

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách
địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;*

*Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 – 2025;*

*Xét Tờ trình số 4445/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ
chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;
Báo cáo thẩm tra số 92/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân*

dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là CTMTQG xây dựng NTM) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.

2. Phân chia khu vực áp dụng

a) Khu vực 1: Gồm các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành.

b) Khu vực 2: Gồm các xã thuộc các huyện miền núi thấp: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức (trừ 03 xã khu vực III của huyện Hiệp Đức được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

c) Khu vực 3: Gồm các xã thuộc các huyện miền núi cao: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My và 03 xã khu vực III của huyện Hiệp Đức được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

2. Người dân và cộng đồng dân cư nông thôn.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức kinh tế, xã hội.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

1. Đối với cấp xã

a) Xã nông thôn mới: Phấn đấu đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới (sau đây gọi tắt là NTM); đồng thời, duy trì, nâng chuẩn 113 xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên ít nhất 155 xã/194 xã, chiếm tỷ lệ 80%.

b) Bình quân số tiêu chí đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh trên 17,5 tiêu chí/xã. Trong đó: khu vực miền núi cao: bình quân 15,5 tiêu chí/xã; khu vực miền núi thấp: bình quân 18,5 tiêu chí/xã; khu vực đồng bằng: 19 tiêu chí/xã. Không còn huyện không có xã đạt chuẩn NTM, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí.

c) Xã NTM nâng cao: Phần đầu đến cuối năm 2025, có thêm ít nhất 58 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; đồng thời, duy trì 06 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao để nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 lên ít nhất 64 xã, chiếm tỷ lệ ít nhất 40%.

d) Xã NTM kiểu mẫu: Tiếp tục xây dựng xã NTM kiểu mẫu đối với các xã đã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao. Phần đầu đến cuối năm 2025, có thêm ít nhất 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; đồng thời, duy trì 01 xã đã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 lên ít nhất 16 xã, chiếm tỷ lệ ít nhất 10%.

2. Đối với cấp huyện

a) Đối với huyện NTM: Phần đầu đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất từ 03-04 huyện đạt chuẩn NTM, nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM và hoàn thành nhiệm vụ NTM lên ít nhất 08-09 đơn vị cấp huyện, cụ thể:

Giai đoạn 2023-2024, gồm 2 huyện: Núi Thành, Tiên Phước.

Giai đoạn 2024-2025, gồm 3 huyện: Nông Sơn, Quế Sơn, Đại Lộc.

b) Đối với huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu: Phần đầu đến cuối năm 2025, có 02-03 huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu, cụ thể:

Tiếp tục duy trì theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025 và phần đầu đạt chuẩn huyện NTM nâng cao giai đoạn 2024-2025, gồm 2 huyện: Phú Ninh, Duy Xuyên.

Phần đầu đạt chuẩn huyện NTM kiểu mẫu về phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, du lịch sinh thái giai đoạn 2021- 2025: huyện Tiên Phước.

c) Thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:

Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí NTM cấp huyện giai đoạn 2021-2025: thành phố Tam Kỳ và thị xã Điện Bàn.

Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2023-2024: thành phố Hội An.

3. Đối với thôn:

Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn 172 thôn đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 và chỉ đạo, hỗ trợ 171 thôn đã hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa đạt chuẩn tiếp tục thực hiện để đạt theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Triển khai thực hiện mới 320 thôn phần đầu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2021-2025. Phần đầu đến cuối năm 2025, tổng số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu đạt tỷ lệ ít nhất 60%, trong đó miền núi đạt ít nhất 50% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và đối ứng của ngân sách địa phương

(Chi tiết theo Phụ lục I).

Điều 5. Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp

(Chi tiết theo Phụ lục II).

Điều 6. Phương án lồng ghép vốn từ các Chương trình, dự án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình NTM

(Chi tiết theo Phụ lục III).

Điều 7. Cơ chế huy động các nguồn lực khác

(Chi tiết theo Phụ lục IV).

Điều 8. Nhiệm vụ, giải pháp

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả 11 nội dung thành phần trong CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các Đề án, Chương trình chuyên đề do trung ương phê duyệt phù hợp với tình hình địa phương để phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra.

2. Giải pháp

a) Tiếp tục quán triệt và tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, các tổ chức, đơn vị và toàn thể Nhân dân, xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, “có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”; xây dựng, ban hành và thực hiện tốt phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025”.

b) Nghiên cứu và xây dựng cơ chế chính sách xây dựng NTM phù hợp với điều kiện của từng vùng miền trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Triển khai đồng bộ các giải pháp phân đầu tăng thu để bổ sung nguồn lực xây dựng NTM, hạn chế nợ xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh phân cấp và chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện CTMTQG xây dựng NTM cho cấp huyện, xã, nhất là giao các công trình đặc thù cho người dân, cộng đồng dân cư tự tổ chức thực hiện.

c) Triển khai các Bộ tiêu chí NTM của trung ương giai đoạn 2021-2025 và xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 phù hợp với từng vùng, đảm bảo tổ chức thực hiện theo chiều sâu.

d) Đẩy mạnh thực hiện theo các nhóm xã, huyện NTM để có giải pháp phù hợp với các nhóm đối tượng. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM từ tỉnh đến cơ sở, góp phần thực hiện có hiệu quả các nội dung, tiêu chí, chính sách liên quan đến xây dựng NTM.

đ) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, miền. Căn cứ vào định hướng trong quy hoạch xã NTM và đề án xây dựng xã NTM, ưu tiên các công trình hạ tầng thiết yếu.

e) Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện sâu rộng Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng

cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã. Tổ chức nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn, trồng cây xanh bóng mát ven đường. Triển khai xây dựng các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp, làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

f) Tập trung chỉ đạo và ưu tiên đầu tư phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế nông thôn, quan tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng NTM ở tất cả các lĩnh vực, các tiêu chí NTM, xây dựng cơ sở dữ liệu về NTM đảm bảo phục vụ quản lý, điều hành.

g) Tăng cường các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện CTMTQG xây dựng NTM. Trong đó: (i) Xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho địa phương (huyện, xã) tăng nguồn thu đảm bảo nguồn lực đầu tư xây dựng NTM trên địa bàn, kể cả nguồn vốn vay ODA, nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn thu để lại cho huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu...; (ii) Lồng ghép hiệu quả CTMTQG xây dựng NTM với các chương trình, dự án khác trên địa bàn để thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM được phê duyệt; (iii) Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; (iv) Đẩy mạnh huy động các nguồn lực khác để xây dựng NTM, nhất là huy động các nguồn lực từ vận động các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM và sự tham gia đóng góp của cộng đồng dân cư, người dân trên tinh thần tự nguyện.

h) Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 đảm bảo thống nhất trong chỉ đạo, điều hành lồng ghép nguồn lực. củng cố, kiện toàn kịp thời bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp bảo đảm chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, bền vững nhưng không làm phát sinh tổng biên chế đã giao. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, phân công trách nhiệm cụ thể trong xây dựng NTM cho từng ngành, địa phương để chủ động thực hiện đi vào chiều sâu và thực chất. Các cấp, các ngành cần phát huy tinh thần trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thực hiện các mục tiêu, nội dung Chương trình NTM đạt hiệu quả.

i) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện ở các cấp, các ngành. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong giai đoạn mới; đổi mới phương pháp đánh giá trong xây dựng NTM; đồng thời, thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và lấy ý kiến về mức độ hài lòng của người dân khi xây dựng NTM. Không công nhận đạt chuẩn NTM nếu tỷ lệ hài lòng thấp. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM cùng với xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân; không để xảy ra điểm nóng, phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

k) Thường xuyên rà soát, củng cố các tiêu chí đã đạt chuẩn; xem xét thu hồi bằng công nhận xã đạt chuẩn NTM nếu các tiêu chí không còn đảm bảo, chậm

được duy trì, nâng chuẩn theo quy định và kiểm điểm, điều chuyển công tác đối với lãnh đạo địa phương nếu không hoàn thành mục tiêu đề ra, nhất là các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.
2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG xây dựng NTM quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021 - 2025.
3. Đối với các dự án, công trình, phương án, dự toán kế hoạch năm 2021, 2022 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nội dung, tỷ lệ hỗ trợ tại Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung trong CTMTQG xây dựng NTM trên địa bàn Quảng Nam giai đoạn 2016-2020 thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND.
4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành kế hoạch thực hiện CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và giao vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh trong CTMTQG xây dựng NTM cho các địa phương.
 - b) Thường xuyên rà soát, xem xét khả năng cân đối nguồn lực, căn cứ điều kiện hạ tầng kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa, thực trạng xây dựng NTM của địa phương để xác định lộ trình đạt chuẩn NTM phù hợp, đảm bảo đồng bộ với lộ trình sắp xếp các đơn vị hành chính. Khẩn trương làm việc các địa phương để rà soát, lựa chọn bổ sung 04 xã còn lại vào danh sách các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 để có cơ sở bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra.
 - c) Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có phát sinh nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi..., xây dựng phương án phân bổ trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến, sau đó tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Trong đó, ưu tiên bổ sung nguồn lực cho Chương trình NTM, nhất là tập trung cho các mục tiêu, nội dung chưa được cân đối như: Xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, huyện NTM kiểu mẫu, thôn duy trì, nâng chuẩn..., tăng mức hỗ trợ cho các nội dung có liên quan và thực hiện các nhiệm vụ khác để xây dựng NTM đảm bảo đi vào chiều sâu, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra.
2. Giao Hội đồng nhân dân cấp huyện căn cứ điều kiện thực tế của địa phương quy định tỷ lệ đối ứng ngân sách cấp huyện và cấp xã cho từng nội dung cụ thể; bố trí ngân sách cấp huyện để đối ứng theo tỷ lệ quy định, đảm bảo phù hợp

với tỷ lệ, mức hỗ trợ tại Nghị quyết này; đồng thời, tăng cường giám sát việc thực hiện chương trình xây dựng NTM trên địa bàn.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: NN&PTNN, TC, KH-ĐT;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐB.

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường

Phụ lục I
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

1. Nguyên tắc phân bổ

a) Tuân thủ và chấp hành đúng các quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, chủ trương đầu tư của Quốc hội và các văn bản có liên quan trong CTMTQG xây dựng NTM. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư như giai đoạn 2016-2020, tuân thủ quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra. Đối với ngân sách trung ương, đảm bảo theo Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phù hợp với nguồn thu và khả năng bố trí vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 để đạt mục tiêu đề ra. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM trái quy định, không có khả năng thanh toán.

c) Bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch trong phân bổ kế hoạch vốn thực hiện CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025

2.1. Đối với vốn đầu tư phát triển

2.1.1. Ngân sách trung ương (671.840 triệu đồng)

Thực hiện theo tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương quy định tại các Điều 4, 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

a) Đối với vốn đầu tư phát triển năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022), tiêu chí, định mức phân bổ như sau:

a1) Tiêu chí phân bổ (căn cứ theo số xã tính đến hết năm 2021):

- Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0 (có 57 xã theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3 (có 10 xã).

- Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cần tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): Hệ số 1,0 (có 127 xã).

a2) Định mức phân bổ:

Tổng vốn đầu tư phát triển năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022: 171.810 triệu đồng, phân bổ cho 194 xã:

- Xã hệ số 4,0: $57 \text{ xã} \times 466,875 \text{ triệu đồng định mức} \times 4,0 = 106.447,5 \text{ triệu đồng}$ (bình quân 1.867,5 triệu đồng/xã);

- Xã hệ số 1,3: $10 \text{ xã} \times 466,875 \text{ triệu đồng định mức} \times 1,3 = 6.069,375 \text{ triệu đồng}$ (bình quân 606,938 triệu đồng/xã);

- Xã hệ số 1,0: $127 \text{ xã} \times 466,875 \text{ triệu đồng định mức} \times 1,0 = 59.293,125 \text{ triệu đồng}$ (bình quân 466,875 triệu đồng/xã).

b) Đối với vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2022-2025, tiêu chí, định mức phân bổ như sau:

b1) Tiêu chí phân bổ (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn):

- Xã đạt dưới 15 tiêu chí (trừ các xã dưới 15 tiêu chí là xã đặc biệt khó khăn đã có nguồn lực hỗ trợ từ CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), các xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 5,0 (có 09 xã).

- Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0 (có 10 xã).

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM: Hệ số 1,0 (có 118 xã).

- Hỗ trợ ngân sách trung ương cho huyện chưa đạt chuẩn NTM để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện NTM và phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2021- 2025: Hệ số 20 (có 02 huyện: Tiên Phước, Nông Sơn).

b2) Định mức phân bổ:

Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2022-2025 phân bổ theo định mức: 500.030 triệu đồng, phân bổ cho 137 xã và 02 huyện NTM:

- Xã hệ số 5,0: $09 \text{ xã} \times 2.146,051 \text{ triệu đồng định mức} \times 5,0 = 96.572,318 \text{ triệu đồng}$ (bình quân 10.730,255 triệu đồng/xã/4 năm);

- Xã hệ số 3,0: $10 \text{ xã} \times 2.146,051 \text{ triệu đồng định mức} \times 3,0 = 64.381,530 \text{ triệu đồng}$ (bình quân 6.438,153 triệu đồng/xã/4 năm);

- Xã hệ số 1,0: $118 \text{ xã} \times 2.146,051 \text{ triệu đồng định mức} \times 1,0 = 253.234,018 \text{ triệu đồng}$ (bình quân 2.146,051 triệu đồng/xã/4 năm) .

- Huyện NTM (hệ số 20): Phân bổ cho 02 huyện (Tiên Phước, Nông Sơn) đăng ký hỗ trợ ngân sách trung ương $\times 2.146,051 \text{ triệu đồng định mức} \times 20 = 85.842,157 \text{ triệu đồng}$ (bình quân mỗi huyện 42.921,03 triệu đồng/4 năm).

2.1.2. Ngân sách tỉnh (630.000 triệu đồng)

Sau khi cân đối ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh ưu tiên cân đối hỗ trợ

các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 để đạt mục tiêu đề ra, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 để đạt mục tiêu đề ra, gồm:

a1) Xã đặc biệt khó khăn phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025, có 14 xã: Phân bổ ngân sách tỉnh bình quân 9.000 triệu đồng/xã/5 năm x 14 xã = 126.000 triệu đồng (các xã này có vốn ngân sách trung ương năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022 là 1.867,5 triệu đồng và sử dụng kinh phí Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ít nhất 10 tỷ đồng/xã/5 năm để đầu tư các tiêu chí NTM; tổng nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh tối thiểu 20.867,500 triệu đồng/xã/5 năm.

a2) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (các xã này ngân sách trung ương hệ số 1,3 vốn năm 2021 và hệ số 3,0 vốn giai đoạn 2022-2025), có 10 xã: Phân bổ ngân sách tỉnh bình quân 9.954,910 triệu đồng/5 năm x 10 xã = 99.549,095 triệu đồng; tổng nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh tối thiểu 17.000 triệu đồng/xã/5 năm.

a3) Xã đạt dưới 15 tiêu chí, phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (các xã này ngân sách trung ương hệ số 1,0 vốn năm 2021 và hệ số 5,0 vốn giai đoạn 2022-2025), có 09 xã: Phân bổ ngân sách tỉnh bình quân 5.802,870 triệu đồng/5 năm x 9 xã = 52.225,830 triệu đồng; tổng nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh tối thiểu 17.000 triệu đồng/xã/5 năm (riêng xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2022 cân đối ngân sách tỉnh bằng kinh phí ngân sách tỉnh đã phân bổ 2021, 2022).

a4) Xã thuộc đối tượng còn lại, thuộc xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (các xã này ngân sách trung ương hệ số 1,0 vốn năm 2021 và hệ số 1,0 vốn giai đoạn 2022-2025), có 5 xã: Phân bổ ngân sách tỉnh bình quân 14.387,074 triệu đồng/5 năm x 5 xã = 71.935,37 triệu đồng; tổng nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh tối thiểu 17.000 triệu đồng/xã/5 năm.

b) Hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 để thực hiện tiêu chí NTM cấp huyện: 03 huyện (Núi Thành, Quế Sơn, Đại Lộc), mỗi huyện 42.000 triệu đồng x 03 huyện = 126.000 triệu đồng và huyện Nông Sơn 4.000 triệu đồng.

c) Hỗ trợ 02 huyện đã đạt chuẩn huyện NTM (Duy Xuyên, Phú Ninh) duy trì tiêu chí huyện NTM và xây dựng huyện NTM nâng cao: Mỗi huyện 15.000 triệu đồng x 02 huyện = 30.000 triệu đồng.

d) Hỗ trợ các xã NTM nâng cao ở các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2021-2025 để đạt chỉ tiêu của tiêu chí huyện NTM: 09 xã x 3.000 triệu đồng/xã/5 năm = 27.000 triệu đồng.

đ) Hỗ trợ 14.000 triệu đồng để di dời trụ điện, trụ viễn thông hiện hữu sau khi mở rộng đường giao thông theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

e) Dự nguồn 40.000 triệu đồng để bổ sung cho các xã dự kiến bổ sung vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025; mức hỗ trợ cho 01 xã

bổ sung là 10.000 triệu đồng. Trường hợp không sử dụng hết dự nguồn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến phân bổ kinh phí và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

g) Cân đối 30.000 triệu đồng để thưởng trong phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới” (đã bao gồm kinh phí thưởng công trình phúc lợi trong năm 2021, 2022).

h) Dự phòng 8.092,575 triệu đồng để đối ứng thực hiện các đề án, dự án, chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kể cả thực hiện Đề án nhân rộng HTX kiểu mới và các nhiệm vụ, nội dung phát sinh trong Chương trình NTM theo chỉ đạo của tỉnh: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ nguồn dự phòng phù hợp với hướng dẫn của Trung ương và mục tiêu của chương trình, đề án.

2.2. Đối với kinh phí sự nghiệp

2.2.1. Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của CTMTQG xây dựng NTM, hướng dẫn thực hiện các nội dung chi kinh phí sự nghiệp và trên cơ sở nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao để phân bổ cho các ngành, địa phương để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu, theo thứ tự ưu tiên như sau:

Bố trí kinh phí ở cấp tỉnh và cấp huyện đối với các nội dung: Nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; trong đó, chú trọng: Hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị, Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, phát triển đường cây xanh bóng mát; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; rà soát quy hoạch; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới....; bố trí vốn thực hiện các chương trình chuyên đề; bố trí kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình NTM các cấp ở địa phương theo quy định (1,5%). Phần vốn sự nghiệp còn lại, phân bổ trực tiếp cho các xã để thực hiện các nội dung của Chương trình NTM ở cấp xã.

2.2.2. Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh (696.000 triệu đồng)

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hướng dẫn thực hiện các nội dung chi kinh phí sự nghiệp và trên cơ sở nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, xây dựng phương án và phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh cho các ngành, địa phương để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ xây dựng thôn NTM kiểu mẫu: Hỗ trợ từ ngân sách tỉnh tối đa 500 triệu đồng/thôn, hỗ trợ ít nhất 320 thôn (160.000 triệu đồng).

b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới hướng đến xã NTM nâng cao: Mức hỗ trợ 500 triệu đồng/xã/năm (316.500 triệu đồng).

c) Hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Bố trí kinh phí để hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP (50.000 triệu đồng) và khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (50.000 triệu đồng).

d) Hỗ trợ rà soát quy hoạch cấp xã (22.000 triệu đồng).

đ) Hỗ trợ cảnh quan môi trường nông thôn (hỗ trợ phát triển đường cây xanh bóng mát) (20.000 triệu đồng).

e) Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị Nhà văn hóa xã đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng văn hóa của các xã (15.000 triệu đồng).

g) Hỗ trợ nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới (30.000 triệu đồng).

h) Hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng NTM hướng tới NTM thông minh (15.000 triệu đồng).

i) Giải thưởng các cuộc thi trong xây dựng NTM (10.000 triệu đồng).

k) Dự phòng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ thực hiện một số nội dung khác của CTMTQG xây dựng NTM và đối ứng các Đề án chuyên đề sau khi Trung ương ban hành (7.500 triệu đồng).

3. Đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã)

Tổng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần (tỷ lệ 1,5:1) tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3.1. Đối ứng ngân sách tỉnh: Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 1.326.000 triệu đồng trong giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư phát triển là 630.000 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 696.000 triệu đồng). Trong quá trình điều hành ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối các nguồn vốn trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn lực cho CTMTQG xây dựng NTM ngoài mức đối ứng ngân sách tỉnh nêu trên.

3.2. Đối ứng ngân sách cấp huyện, xã

3.2.1. Đối ứng theo tiêu chí, định mức

a) Đối với 09 huyện, thị xã, thành phố khu vực đồng bằng (Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành): Ngân sách cấp huyện, xã đối ứng ít nhất 30% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

b) Đối với 03 huyện miền núi thấp (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn): Ngân sách huyện, xã đối ứng ít nhất 20% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

c) Đối với 06 huyện miền núi cao (Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My): Ngân sách huyện, xã đối ứng ít nhất 10% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

3.2.2. Đối ứng thực hiện các tiêu chí NTM đạt mục tiêu đề ra

Ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ theo tiêu chí, định mức nêu trên, cấp huyện, xã cân đối ngân sách địa phương để bổ sung nguồn lực thực hiện từ các nguồn sau:

a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung theo tiêu chí, định mức hằng năm;

b) Nguồn ngân sách cấp huyện, xã (kể cả nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi) để tập trung đầu tư trực tiếp cho các tiêu chí xây dựng NTM;

c) Nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn;

d) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng cho ngân sách cấp huyện tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh./.

Phụ lục II
NỘI DUNG, TỶ LỆ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

1. Thời gian thực hiện: Từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết năm 2025
2. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn vốn CTMTQG xây dựng NTM thuộc ngân sách nhà nước các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) phân bổ cho CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
3. Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ:

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
1	Công tác thông tin, tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp; kinh phí quản lý thực hiện chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (NTM); thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM	100% từ ngân sách nhà nước; mức chi cụ thể theo quy định hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng đào tạo nghề lao động nông thôn, các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.					
2	Rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch cấp xã; quy hoạch chi tiết trung tâm xã, khu chức năng	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, bình quân không quá 350 triệu đồng/xã; phần còn lại do ngân sách cấp huyện bố trí. Cấp huyện căn cứ dân số, diện tích, nội dung rà soát quy hoạch của từng xã (kể cả quy hoạch chi tiết) để quyết định mức kinh phí rà soát quy hoạch phù hợp, nhưng không quá tỷ lệ, mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh quy định nêu trên. Giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ ít nhất 50% số xã để rà soát quy hoạch.					
3	Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp: Trường học (MN, TH, THCS); trạm y tế xã; cầu dân sinh (cầu đầu tư bằng dự án riêng); nhà văn hóa xã; khu thể thao xã; nhà văn hóa thôn, nhà làng truyền thống; khu thể thao thôn; chợ nông thôn, chợ an toàn	70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	90	10

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	thực phẩm cấp xã, hạ tầng thương mại nông thôn; xây dựng, cải tạo nghĩa trang nhân dân; thoát, xử lý nước thải khu dân cư; cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn (kể cả di dời trụ điện, trụ viễn thông, hoàn thiện hệ thống điện sau công tơ); cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn, cảnh quan nông thôn (bồn hoa, cây xanh, vỉa hè, chỉnh trang khu trung tâm xã, thôn; điện chiếu sáng; các công trình, hạng mục vệ sinh môi trường nông thôn, điểm trung chuyển rác); công trình cấp nước sinh hoạt; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; bê tông hóa, cứng hóa đường giao thông nội đồng, cống thoát nước đường giao thông nội đồng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng các điểm du lịch nông thôn (bao gồm du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề)						
4	Khu, điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Ngân sách tỉnh 70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	Ngân sách tỉnh 80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	Ngân sách tỉnh 90	10
5	Cảnh quan môi trường nông thôn (hỗ trợ phát triển đường cây xanh bóng mát)	70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	90	10
6	Giao thông nông thôn và cống hộp trên đường giao thông nông thôn	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
7	Thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.					
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi, phát triển sản xuất cộng đồng, dự án phát triển kinh tế nông thôn; truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX khởi nghiệp, sáng tạo; khuyến nông, khuyến công; chuyển giao khoa học công nghệ; kinh tế vườn – kinh tế trang trại; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM; mua sắm thiết bị nhà văn hóa xã...	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành của Trung ương (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018, Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, các Quyết định phê duyệt các Đề án chuyên đề của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ) và các Nghị quyết của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021, Nghị quyết 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020, Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019, Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022, Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 và các Nghị quyết HĐND tỉnh có liên quan.....)					
9	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021- 2025 và Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025.					
10	Hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh tối đa 500 triệu đồng/thôn đối với thôn xây dựng mới, trong giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ ít nhất 320 thôn; ngân sách cấp huyện, xã đối ứng ít nhất 200 triệu đồng/thôn (HĐND cấp huyện xem xét cân đối hỗ trợ đối ứng cho các xã có nguồn thu thấp). Đối với thôn đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020 và các thôn giai đoạn 2016-2020 đã được hỗ trợ ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt chuẩn, đề nghị cân đối ngân sách địa phương và lồng ghép từ các nguồn để thực hiện duy trì, đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu.					
11	Hỗ trợ nhân rộng mô hình điển hình, tiên tiến trong xây dựng NTM	Tỷ lệ hỗ trợ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: 70% đối với khu vực 1, 80% đối với khu vực 2 và 90% đối với khu vực 3; phần còn lại do ngân sách địa phương và huy động khác. Đối với nhân rộng					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
		mô hình điển hình tiên tiến do các sở, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh tổ chức thực hiện thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%. Căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán đối với từng lĩnh vực điển hình, tiên tiến là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng lĩnh vực cần nhân rộng, đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán.					
12	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh về hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh.					
13	Hỗ trợ đầu tư các tiêu chí hạ tầng của tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu (tiêu chí cấp huyện), như: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; Chương trình OCOP; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp... và các công trình liên quan theo tiêu chí NTM cấp huyện	- Đối với đầu tư đường huyện (ĐH): Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. - Các nội dung khác: + Huyện đồng bằng (Phú Ninh, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Quế Sơn, Đại Lộc): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 70%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác. + Huyện miền núi thấp (Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 80%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác. + Huyện miền núi cao (Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 90%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác. * Nếu công trình thuộc tiêu chí NTM cấp huyện chỉ sử dụng 01 nguồn ngân sách trung ương thì ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 70% đối với các huyện miền núi và tối đa 50% đối với các huyện đồng bằng (kể cả đầu tư đường huyện). Phần còn lại ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và huy động khác.					
14	Thưởng trong phong trào thi đua Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới	Thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua: UBND tỉnh ban hành quy định để tổ chức thực hiện và phân bổ kinh phí thưởng hằng năm, trong đó ưu tiên thưởng cho các địa phương không được hỗ trợ nguồn lực nhưng đạt chuẩn NTM, thưởng cho cộng đồng, cho thôn thực hiện tốt các phong trào thi đua.					
15	Thưởng tại các cuộc thi trong xây dựng nông thôn mới	Thưởng cho các đơn vị, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi trong xây dựng NTM: UBND tỉnh quy định nội dung thi, mức thưởng, cơ cấu giải thưởng cho phù hợp theo nội dung thi, tính chất cuộc thi.					
16	Các nội dung khác có liên quan trong Chương trình NTM (Hội nghị, hội thảo, trực báo; công tác phí; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng,	Thực hiện theo các định mức, quy định hiện hành của Nhà nước (lập dự toán chi tiết trình cấp thẩm quyền phê duyệt để thực hiện). Căn đối thêm từ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh trong dự toán của các sở, ngành để thực hiện. Ngân sách cấp huyện, xã bố trí kinh phí để quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn.					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; sự nghiệp môi trường; mua sắm trang thiết bị văn hóa thôn, dụng cụ thể thao, văn hóa, y tế; mô hình an ninh trật tự; công tác đánh giá, thẩm tra, thẩm định xét công nhận, lấy ý kiến hài lòng người dân; lễ công bố, phát động; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các nội dung khác nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn						

* Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh nêu trên không bao gồm kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng; các địa phương (cấp huyện, xã) có trách nhiệm cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Riêng đối với hỗ trợ nghĩa trang nhân dân, địa phương được sử dụng một phần ngân sách tỉnh (trong định mức) để hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nhưng tổng kinh phí xây dựng và giải phóng mặt bằng không vượt tỷ lệ ngân sách tỉnh theo quy định./.

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN LỒNG GHÉP CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN LỒNG GHÉP VÀO CHƯƠNG TRÌNH NTM	ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU LỒNG GHÉP	PHỤC VỤ ĐẠT TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CHỈ ĐẠO LỒNG GHÉP	KINH PHÍ DỰ KIẾN LỒNG GHÉP (tỷ đồng)
	TỔNG CỘNG (1:16):				5.108
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBDTTS và MN				1.500¹
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Các xã đặc biệt khó khăn, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 18 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí	Tiêu chí 9 về nhà ở dân cư	- UBND tỉnh; - UBND các huyện miền núi.	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		Tiêu chí: 10 thu nhập, 11 nghèo đa chiều, 13 tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc		Tiêu chí: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 17; các tiêu chí hạ tầng thôn NTM kiểu mẫu		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		Tiêu chí: 5 trường học, 14 giáo dục và đào tạo		
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		Tiêu chí: 6 cơ sở vật chất văn hóa, 16 văn hóa		

(¹) Tối thiểu lồng ghép 1.500 tỷ đồng/2.975 tỷ đồng để thực hiện các tiêu chí NTM; còn lại thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ riêng của Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBDTTS và MN không liên quan đến tiêu chí NTM.

TT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN LỒNG GHÉP VÀO CHƯƠNG TRÌNH NTM	ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU LỒNG GHÉP	PHỤC VỤ ĐẠT TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CHỈ ĐẠO LỒNG GHÉP	KINH PHÍ DỰ KIẾN LỒNG GHÉP (tỷ đồng)
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Các xã đặc biệt khó khăn, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 18 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí	Tiêu chí 15 y tế		
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		Tiêu chí 18 hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		Các tiêu chí xã NTM; các tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu ở vùng dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		Công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát		
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				1.000²
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	- Các hộ nghèo, hộ cận nghèo - Các huyện nghèo để thực hiện dần tiêu chí NTM cấp huyện để góp phần thực hiện mục	- Tiêu chí hạ tầng xã NTM - Tiêu chí hạ tầng của tiêu chí huyện NTM	- UBND tỉnh; - UBND các huyện nghèo.	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Tiêu chí 10, 11, 13	- UBND tỉnh; - UBND các huyện.	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải		Tiêu chí 10, 11, 13	- UBND tỉnh;	

² Tối thiểu lồng ghép 1.000 tỷ đồng/**2.398,346 tỷ đồng** để thực hiện các tiêu chí NTM; còn lại thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ riêng của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững không liên quan đến tiêu chí NTM.

TT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN LỒNG GHÉP VÀO CHƯƠNG TRÌNH NTM	ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU LỒNG GHÉP	PHỤC VỤ ĐẠT TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CHỈ ĐẠO LỒNG GHÉP	KINH PHÍ DỰ KIẾN LỒNG GHÉP (tỷ đồng)
	thiện dinh dưỡng	tiêu tỉnh NTM trước năm 2035		- UBND cấp huyện.	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		Tiêu chí 12, 14	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo		Tiêu chí 9, 11	- UBND tỉnh; - UBND các huyện.	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		Tiêu chí 8, 11	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		Công tác kiểm tra giám sát	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	
III	Chương trình, đề án khác				2.608
1	Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh)	- Các xã xây dựng NTM; NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; ưu tiên cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025; - Các huyện xây dựng huyện NTM, huyện NTM nâng cao; ưu tiên cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2021-2025	- Tiêu chí số 2 xã NTM; tiêu chí số 2 xã NTM nâng cao; - Tiêu chí số 2 huyện NTM - Tiêu chí giao thông của thôn NTM kiểu mẫu.	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	766
2	Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 (Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh)	Các xã, các huyện; ưu tiên cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-	- Tiêu chí 8 thông tin truyền thông của xã NTM - Tiêu chí 15 hành chính công của xã NTM nâng cao	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	100

TT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN LỒNG GHÉP VÀO CHƯƠNG TRÌNH NTM	ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU LỒNG GHÉP	PHỤC VỤ ĐẠT TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CHỈ ĐẠO LỒNG GHÉP	KINH PHÍ DỰ KIẾN LỒNG GHÉP (tỷ đồng)
		2025	- Chỉ tiêu hành chính công của tiêu chí huyện NTM.		
3	Cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2030 (Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh)	Các xã, các huyện; ưu tiên cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2021-2025	Tiêu chí 7 Môi trường của tiêu chí huyện NTM và huyện NTM nâng cao.	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện	95
4	Chính sách hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước giai đoạn 2021 – 2025 (Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh)	Các xã xây dựng NTM; ưu tiên cho các xã phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2021-2025	- Tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai của xã NTM; - Tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai của xã NTM nâng cao.	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện	125
5	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh)	Các xã, các huyện; ưu tiên cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025	- Tiêu chí 13 của xã NTM, xã NTM nâng cao - Tiêu chí 6 về kinh tế của huyện NTM, huyện NTM nâng cao	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	100
6	Hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/4/2021)	Các xã đài truyền thanh đã xuống cấp hoặc hết thời gian cấp phép sử dụng tăng số	Tiêu chí 8 thông tin truyền thông của xã NTM	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	20
7	Chính sách phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh)	Các HTX	Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn của tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao.	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	23
8	Chính sách phát triển kinh tế vườn - kinh tế trang trại (Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh)	Hộ gia đình, HTX	- Tiêu chí vườn ở hộ gia đình của thôn NTM kiểu mẫu; - Tiêu chí 11 thu nhập, 11 nghèo đa	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	250

TT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN LỒNG GHÉP VÀO CHƯƠNG TRÌNH NTM	ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU LỒNG GHÉP	PHỤC VỤ ĐẠT TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CHỈ ĐẠO LỒNG GHÉP	KINH PHÍ DỰ KIẾN LỒNG GHÉP (tỷ đồng)
			chiều, 13 tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn của xã NTM.		
9	Cơ chế sắp xếp, ổn định dân cư miền núi (Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh)	Các xã miền núi	Tiêu chí 9 về nhà ở dân cư	- UBND tỉnh; - UBND các huyện miền núi.	420
10	Cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động nông thôn (Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ)	Các xã, thôn; trong đó ưu tiên các xã xây dựng NTM; NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	Tiêu chí 12 về lao động	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	15
11	Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh)	Các xã, huyện; ưu tiên cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu 17.1 tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	54
12	Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh)	Các huyện, ưu tiên cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	Tiêu chí 6 về kinh tế của huyện NTM và huyện NTM nâng cao	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện.	125
13	Cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ các di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 – 2025 (Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh)	Các xã, ưu tiên các xã NTM nâng cao	Tiêu chí 6 về văn hóa của tiêu chí xã NTM nâng cao	- UBND tỉnh; - UBND cấp huyện	90
14	Các dự án xây dựng cơ bản tập trung hỗ trợ các tiêu chí NTM cấp huyện (các Trường THPT, Trung tâm y tế...; các hồ chứa, đập để đạt tiêu chí thủy lợi cấp huyện)	Các xã, các huyện, ưu tiên các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	Các tiêu chí NTM cấp huyện do các sở, ngành quản lý thuộc nhiệm vụ đầu tư của cấp tỉnh	- UBND tỉnh	425

Phụ lục IV
CƠ CHẾ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

1. Huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025:

a) Huy động, thu hút nguồn đóng góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư:

Thực hiện theo Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ khác của tỉnh và các nghị quyết khác có liên quan của HĐND tỉnh.

b) Huy động nguồn đóng góp tự nguyện của người dân (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động), doanh nghiệp, tổ chức thực hiện CTMTQG xây dựng NTM đảm bảo sự tham gia đóng góp phải trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật:

- Dự án được đầu tư gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động khác ngoài ngân sách nhà nước trên nguyên tắc tự nguyện, gồm: cộng đồng dân cư đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp...

+ Trường hợp nguồn vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước dưới hình thức huy động bằng ngày công, vật liệu, hiện vật... thì phải quy đổi thành tiền Việt Nam đồng. Đơn giá quy đổi trên một đơn vị tính theo giá thị trường tại thời điểm đóng góp. Ban Quản lý xã lập biểu ghi nhận nguồn vốn đóng góp xác định thành tiền có xác nhận của Trưởng thôn, Ban giám sát đầu tư cộng đồng và Ủy ban nhân dân xã. Chỉ hạch toán nguồn huy động ngày công, vật liệu, hiện vật... vào giá trị công trình để theo dõi quản lý và tài sản hình thành sau đầu tư, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

+ Trường hợp nguồn vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước dưới hình thức bằng tiền (nếu bằng ngoại tệ thì quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá hạch toán do Kho bạc nhà nước công bố hằng tháng - áp dụng công bố thời điểm gần nhất). Ban Quản lý xã lập biểu ghi nhận nguồn vốn huy động đó, có xác nhận của tổ chức đóng góp, Trưởng thôn, Ban giám sát đầu tư cộng đồng và Ủy ban nhân dân xã; nếu có các hộ dân đóng góp thì lập bảng kê có ký xác nhận của từng hộ dân để kèm vào biên bản nêu trên.

- Chính quyền các cấp không quy định bắt buộc Nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để Nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua.

2. Sử dụng vốn huy động hợp pháp khác thực hiện các CTMTQG xây dựng NTM thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Các khoản đóng góp bằng tiền theo nguyên tắc tự nguyện do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý, thực hiện quản lý thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Các khoản đóng góp bằng tiền trên nguyên tắc tự nguyện của Nhân dân do Hội đồng nhân dân xã quyết định nhưng không đưa vào ngân sách xã quản lý; trường hợp tổ chức, cá nhân tài trợ, cộng đồng dân cư có thỏa thuận Quy chế quản lý tiền đóng góp thì thực hiện theo Quy chế quản lý đó; trường hợp không có thỏa thuận Quy chế quản lý tiền đóng góp thì Ban Quản lý xã nộp toàn bộ số tiền huy động được vào tài khoản tiền gửi của Ban Quản lý xã mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp trên địa bàn để quản lý theo quy định của Hội đồng nhân dân xã. Trong trường hợp này, chỉ hạch toán nguồn huy động vào giá trị công trình và tài sản hình thành sau đầu tư, không ghi thu, ghi chi ngân sách xã.

c) Đối với các khoản đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của Nhân dân để sử dụng vào các mục đích cụ thể phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng thôn do thôn trực tiếp huy động và không đưa vào ngân sách xã. Việc huy động chỉ được thực hiện sau khi có sự thống nhất, tự nguyện của Nhân dân về chủ trương, mức huy động và phải báo cáo Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã phải hướng dẫn thôn mở sổ sách ghi chép đầy đủ, cụ thể các khoản thu, chi và công khai với nhân dân kết quả huy động, sử dụng các nguồn tài chính trên. Khoản huy động chỉ được sử dụng cho đúng nội dung công việc cụ thể mà Nhân dân đã thống nhất. Trường hợp tiền huy động chưa sử dụng, thôn có thể nhờ xã gửi vào tài khoản tiền gửi của xã tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng hợp pháp hoặc gửi tiền huy động chưa sử dụng vào tài khoản tiền gửi của thôn mở tại Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng (nếu được Nhân dân trong thôn thống nhất). Bộ phận tài chính, kế toán xã có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn, kiểm tra (khi cần thiết) về tài chính đối với hoạt động tài chính thôn.

d) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng hoặc đầu tư các nội dung có liên quan trên địa bàn xã, huyện bằng hình thức chia khóa trao tay hoặc hỗ trợ kinh phí đầu tư 100% công trình thì các ngành, các cấp tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về các thủ tục và các điều kiện khác cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thi công hoàn thành công trình theo tiến độ cam kết và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có hình thức khen thưởng cho phù hợp. Khi bàn giao ghi vào tài sản của đơn vị được hỗ trợ để quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình, hạng mục được hỗ trợ theo quy định./.